

Bản án số: **44/2019/HNGĐ-PT**

Ngày: 16 - 01 - 2019

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Thẩm phán:

Bà Đặng Thị Bích Loan

Ông Nguyễn Văn Hậu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Lê Ninh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 tháng 12 năm 2018 và ngày 16 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 128/2018/TLPT-HNGĐ ngày 05/11/2018 về việc “Ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 1331/2018/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5988/2018/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10324/2018/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh P, sinh năm 1987 (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: xã M, huyện R, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ngọc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn là ông Nguyễn Minh P trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Ngọc T tự nguyện kết hôn năm 2012 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14/2012, quyền số 01/2011 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện R, tỉnh Long An ngày 21/02/2012. Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Minh L (nam), sinh ngày 10/12/2013. Về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết, không có nợ chung.

Thời gian chung sống ông và bà T chỉ hạnh phúc thời gian đầu sau đó xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, nguyên nhân do vợ chồng không còn hòa hợp, bất đồng quan điểm sống và có mâu thuẫn với gia đình vợ, hai bên đã ly thân từ tháng 10/2017 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên ông xin được ly hôn với bà T.

Về con chung: ông đồng ý giao con cho bà T nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

Theo bị đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Bà T thống nhất lời khai của ông P về việc kết hôn, con chung như trên là đúng. Lúc mới kết hôn vợ chồng bà sống bên gia đình chồng, nhưng khi bà có thai và sinh con đến nay bà sống tại nhà mẹ ruột. Thời gian chung sống ông P thường xuyên vắng nhà, đi sớm về khuya; Ngày 01/9/2017 ông P bỏ mẹ con bà về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay dẫn đến hai bên sống ly thân nhau. Tại bản khai ngày 05/6/2018 bà đồng ý ly hôn với ông P, xin nuôi con, yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng và xác định bà và ông P không có tài sản chung, không có nợ chung.

Khi hòa giải cùng ngày 05/6/2018, bà T thay đổi ý kiến, không đồng ý ly hôn vì lý do còn thương chồng con. Về con chung bà xin nuôi và yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng. Đến phiên hòa giải ngày 12/07/2018, bà T thay đổi ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con là không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con nữa và yêu cầu ông P không được thăm nom chăm sóc con đến năm 18 tuổi, các ý kiến khác bà vẫn giữ nguyên.

Tại Bản án sơ thẩm số 1331/2018/HNGĐ-ST ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

- Về hôn nhân: chấp nhận cho ông Nguyễn Minh P được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc T.

- Về con chung: giao con chung là trẻ Nguyễn Minh L sinh ngày 10/12/2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông P cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng tính từ ngày 01/9/2018 đến khi trẻ L đủ 18 tuổi, có khả năng lao động được.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận.

- Nợ chung: không có.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung sau khi ly hôn, án phí, quy định về thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 13/10/2018, bà Nguyễn Thị Ngọc T là bị đơn nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Người kháng cáo là bà Nguyễn Thị Ngọc T đồng thời là bị đơn trong vụ án trình bày: bà đồng ý ly hôn với ông P, về con chung bà vẫn xin nuôi con và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung bà xác định không có, yêu cầu tòa ghi rõ trong bản án. Đối với các yêu cầu khác bà nêu trong đơn kháng cáo ngày 13/10/2018 như việc bà vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, có lý do chính đáng nhưng tòa không ghi trong quyết định, nội dung lời khai của bà là “yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng mới cho thăm con” là không đúng vì bà không nói như vậy, về nguyên do mâu thuẫn dẫn đến ly hôn trong bản án nêu không đúng... sau khi nghe tòa giải thích bà đã hiểu rõ nên xin được rút lại toàn bộ các yêu cầu này, không yêu cầu tòa phúc thẩm giải quyết nữa.

- Nguyên đơn là ông Nguyễn Minh P khai: Ông đồng ý bản án sơ thẩm nên không kháng cáo. Bà T kháng cáo không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con nhưng ông vẫn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, còn bà T nhận hay không thì tùy bà. Bà T không cho ông thăm con là không đúng, ông đề nghị được thăm con theo luật, nếu bà T còn cản trở thì ông sẽ yêu cầu thay đổi người nuôi con sau ly hôn. Về tài sản chung và nợ chung ông đồng ý xác định không có. Ông cương quyết xin ly hôn, đề nghị tòa giữ nguyên án sơ thẩm, đồng thời xin được vắng mặt không tham gia phiên tòa do bận công việc ở xa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật; về hình thức đơn kháng cáo của bà T còn trong hạn luật định nên hợp lệ; về nội dung kháng cáo: Xét thấy ông P bà T chung sống có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp, nay ông P xin ly hôn, bà T cũng đồng ý ly hôn, hai bên thỏa thuận giao con chung cho bà T nuôi và xác định nợ chung không có nên có cơ sở ghi nhận các thỏa thuận này; đối với tài sản chung tại tòa phúc thẩm hai bên đều xác định không có nên cần sửa một phần án sơ thẩm về tài sản chung là không có. Việc cấp dưỡng nuôi con bà T không yêu cầu nhưng ông P tự nguyện cấp dưỡng cho con 2.000.000 đồng/tháng là có lợi cho con, đề nghị tòa án ghi nhận. Đối với các ý kiến, yêu cầu khác bà T nêu trong đơn kháng cáo thì tại phiên tòa hôm nay bà T đã xin rút lại toàn bộ nên không cần xét thêm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng đã phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc T làm trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí theo quy định, hợp lệ về hình thức, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Ông P và bà T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện R, tỉnh Long An ngày 21/01/2012 và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 14/2012, quyển số 01/2011 theo quy định pháp luật, được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay ông P khởi kiện xin ly hôn, bà T cũng đồng ý ly hôn, đồng thời thỏa thuận giao con chung là trẻ Nguyễn Minh L cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, về nợ chung hai bên xác định không có, các nội dung thỏa thuận này không trái pháp luật và đạo đức xã hội, được Hội đồng xét xử chấp nhận nên không cần xét thêm.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, bà T xác định không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con nhưng ông P vẫn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng là có lợi cho con và cũng phù hợp với quy định pháp luật, do đó, mặc dù bà T không yêu cầu nhưng Tòa án vẫn ghi nhận sự tự nguyện này của ông P.

Đối với tài sản chung: tại bản khai ngày 05/6/2018 bà T xác định bà và ông P không có tài sản chung, ông P thì khai trong đơn kiện và bản khai ngày 30/03/2018 là tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết, đây cũng là nội dung được ghi nhận trong 2 biên bản hòa giải ngày 05/6/2018 và 12/7/2018 của tòa sơ thẩm và bản án sơ thẩm. Tại tòa phúc thẩm, bà T trình bày rõ bà không khai tài sản chung tự thỏa thuận vì giữa bà với ông P không có tài sản chung, đây cũng là nội dung kháng cáo của bà, bà yêu cầu phúc thẩm phải xác định và ghi rõ trong bản án là bà và ông P không có tài sản chung; về phía ông P cũng đồng ý xác định lại không có tài sản chung nên yêu cầu kháng cáo của bà T về nội dung này là có căn cứ chấp nhận.

Đối với các yêu cầu khác bà nêu trong đơn kháng cáo ngày 13/10/2018 như việc bà vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, có lý do chính đáng nhưng tòa không ghi trong quyết định, nội dung lời khai của bà là “*yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con 4.000.000đ/tháng mới cho thăm con*” là không đúng vì bà không nói như vậy nên phải điều chỉnh lại cho đúng, về nguyên do mâu thuẫn dẫn đến ly hôn trong bản án nêu không đúng... tại phiên tòa phúc thẩm bà T đã rút lại toàn bộ các yêu cầu này, không yêu cầu tòa phúc thẩm giải quyết nữa,

nên Hội đồng xét xử không xét; Vì vậy cần sửa một phần án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và về việc cấp dưỡng nuôi con ông P phải chịu, theo quy định pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: do sửa một phần bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là bà T không phải chịu án phí, theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 147, Điều 148, Điều 306 và Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008, đã sửa đổi bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

* Về hình thức: chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc T về mặt hình thức.

* Về nội dung: chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc T. Sửa một phần bản án hôn nhân sơ thẩm số 1331/2018/HNGĐ-ST ngày 18/09/2018 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Minh P.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Minh P và bà Nguyễn Thị Ngọc T.

- Về con chung: Giao con chung tên là Nguyễn Minh L (nam), sinh ngày 10/12/2013 cho mẹ là bà Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng của ông Nguyễn Minh P, bắt đầu thực hiện cấp dưỡng nuôi con ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông P chưa thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con như trên thì hàng tháng ông P còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ này, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

2. Đình chỉ giải quyết phúc thẩm đối với các yêu cầu kháng cáo khác của bà Nguyễn Thị Ngọc T, cụ thể gồm: yêu cầu xác định lại lý do, nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn; ghi nhận sự việc bà vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm là có lý do, điều chỉnh lại lời khai của bà trong bản án sơ thẩm cho đúng nội dung bà đã khai tại tòa.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Minh P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông P đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0043419 ngày 25/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận B Thành phố Hồ Chí Minh. Ông P còn phải nộp thêm 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm bà T không phải chịu, hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã tạm nộp cho T là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0030512 ngày 15/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS quận B;
- TAND quận B;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/18).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Phương